

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Bo De Ward,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIP SUP
50/26
Có hiệu lực từ
Effective from
01 OCT 2026
Được xuất bản vào
Published on
10 SEP 2026

CÔNG BỐ PHÂN KHU KIỂM SOÁT TIẾP CẬN PHÚ QUỐC (APP); SƠ ĐỒ KHU VỰC, SƠ ĐỒ ĐỘ CAO TỐI THIỂU GIÁM SÁT KHÔNG LƯU VÀ SƠ ĐỒ TIẾP CẬN BẰNG MẮT TẠI SÂN BAY PHÚ QUỐC

1 GIỚI THIỆU

1.1 Ngày 20/8/2026, AIRAC AIP SUP 45/26 đã được phát hành về việc thiết lập phân khu kiểm soát tiếp cận Phú Quốc (APP) và các sơ đồ phương thức bay tại Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc với hiệu lực từ 1/10/2026. Tuy nhiên, do điều chỉnh tiến độ thi công đường cất hạ cánh mới, kế hoạch thời gian khai thác đã được điều chỉnh.

1.2 Để tạo điều kiện cho các chuyến bay đi/đến Cảng HKQT Phú Quốc, tập bổ sung AIP SUP 49/26 đã được phát hành về việc “Đổi tên đường cất hạ cánh hiện hữu 10/28 thành 10R/28L và các phương thức bay tại Cảng HKQT Phú Quốc” với hiệu lực từ 15/9/2026.

1.3 Tập bổ sung AIP SUP 50/26 công bố các nội dung liên quan đến việc thiết lập phân khu kiểm soát tiếp cận Phú Quốc (APP) với nội dung và ngày hiệu lực giữ nguyên không thay đổi so với AIRAC AIP SUP 45/26. Cụ thể như sau:

- Khu vực kiểm soát tiếp cận (TMA).
- Khu vực kiểm soát tại sân (CTR).
- Sơ đồ khu vực, sơ đồ độ cao tối thiểu giám sát không lưu, sơ đồ phương thức tiếp cận bằng mắt.

1.4 Thời gian áp dụng: Từ 0000 ngày 1/10/2026.

1.5 Tập bổ sung AIP này sẽ thay thế AIRAC AIP SUP 45/26: Mục 2.1.

2 CHI TIẾT

2.1 Khu vực kiểm soát tiếp cận tại sân bay Phú Quốc (TMA Phú Quốc)

a) Giới hạn khu vực trách nhiệm:

1	Tên và giới hạn ngang Designation and lateral limits	Khu vực kiểm soát tiếp cận tại sân bay Phú Quốc được giới hạn là đa giác khép kín đi qua các điểm: • 102525B 1042627Đ; • 100849B 1043617Đ; • 094656B 1043232Đ; • 094642B 1034234Đ; • 100845B 1033336Đ. Dọc theo ranh giới FIR HCM/Phnom Penh; • 102525B 1042627Đ. The Phu Quoc TMA is bounded by a polygon joining the following points: • 102525N 1042627E; • 100849N 1043617E; • 094656N 1043232E; • 094642N 1034234E; • 100845N 1033336E. Along the boundary of HCM/Phnom Penh FIR; • 102525N 1042627E.
---	---	--

PUBLICATION OF THE PHU QUOC APPROACH CONTROL SECTOR (APP), AREA CHART, ATC SURVEILLANCE MINIMUM ALTITUDE CHART AND VISUAL APPROACH CHART AT PHU QUOC AIRPORT

1 INTRODUCTION

1.1 On 20 August 2026, AIRAC AIP SUP 45/26 has been published to inform the establishment of Phu Quoc Approach Control (APP) sector and the associated flight procedure charts at Phu Quoc International Airport, with effective date from 01 October 2026. However, due to the adjustment of the construction schedule of the new runway, operational timelines have been revised.

1.2 To facilitate arriving and departing operations to/from Phu Quoc International Airport, AIP SUP 49/26 “Re-designation of the existing runway 10/28 to 10R/28L and associated flight procedure at Phu Quoc International Airport” with effective date from 15 September 2026 has been published.

1.3 This AIP SUP 50/26 re-issues the information concerning the establishment of the Phu Quoc Approach Control (APP) sector. The content and effective date remain unchanged from those published in AIRAC AIP SUP 45/26, covering the following elements:

- Terminal Control Area (TMA).
- Control Zone (CTR).
- Area Chart, Air Traffic Control Surveillance Minimum Altitude Chart and Visual Approach Chart.

1.4 Effective date: From 0000 UTC on 1 October 2026.

1.5 This AIP Supplement supersedes AIRAC AIP SUP 45/26: Item 2.1.

2 DETAILS

2.1 Terminal Control Area of Phu Quoc aerodrome (Phu Quoc TMA)

a) Limits of responsibility area:

2	Giới hạn cao Vertical limits	Từ độ cao 1 500 FT lên đến và bao gồm FL 155 (ngoại trừ khu vực trách nhiệm CTR Phú Quốc) From 1 500 FT up to FL 155 inclusive (except for responsibility area of Phu Quoc CTR)
3	Phân loại vùng trời Airspace classification	C
4	Tên gọi khu vực kiểm soát ATS unit call sign	Phân khu Kiểm soát tiếp cận Phú Quốc thuộc cơ sở kiểm soát tiếp cận - tại sân Tân Sơn Nhất Phu Quoc APP control sector under Tan Son Nhat APP/TWR Control Centre
5	Ngôn ngữ Language(s)	Tiếng Anh, Tiếng Việt English, Vietnamese
6	Độ cao chuyển tiếp Transition altitude	9 000 FT (MSL)
7	Giờ áp dụng (hoặc giờ hoạt động) Hours of applicability (or activation)	H24
8	Ghi chú Remarks	Không NIL

b) Tần số điều hành bay:

- Tần số chính: 120.375 MHz
- Tần số phụ: 119.575 MHz
- Tần số khẩn nguy: 121.5 MHz

b) ATC frequencies:

- Primary: 120.375 MHz
- Secondary: 119.575 MHz
- Emergency: 121.5 MHz

2.2 Khu vực kiểm soát tại sân bay Phú Quốc (CTR Phú Quốc)

a) Giới hạn khu vực trách nhiệm:

Thay thế mục VVPQ AD 2.17, AIP Việt Nam.

2.2 Control zone of Phu Quoc aerodrome (Phu Quoc CTR)

a) Limits of responsibility area:

Replace item VVPQ AD 2.17, Viet Nam AIP.

1	Tên và giới hạn ngang Designation and lateral limits	Khu vực kiểm soát tại sân bay Phú Quốc được giới hạn là đa giác khép kín đi qua các điểm: • 101340B 1035152Đ; • 101205B 1040754Đ; • 100654B 1040723Đ; • 100829B 1035121Đ; • 101340B 1035152Đ. The Phu Quoc CTR is bounded by a polygon joining the following points: • 101340N 1035152E; • 101205N 1040754E; • 100654N 1040723E; • 100829N 1035121E; • 101340N 1035152E.
2	Giới hạn cao Vertical limits	Từ mặt đất/nước đến và bao gồm 2 500 FT From GND/water up to 2 500 FT inclusive.
3	Phân loại vùng trời Airspace classification	D
4	Tên gọi cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu ATS unit call sign	Đài kiểm soát tại sân bay Phú Quốc Phu Quoc TWR
5	Ngôn ngữ Language(s)	Tiếng Anh, Tiếng Việt English, Vietnamese
6	Độ cao chuyển tiếp Transition altitude	9 000 FT (MSL)
7	Giờ áp dụng (hoặc giờ hoạt động) Hours of applicability (or activation)	H24

8	Ghi chú Remarks	Không NIL
---	--------------------	--------------

b) Tần số điều hành bay:

- Tần số chính: 118.600 MHz
- Tần số phụ: 118.725 MHz
- Tần số khẩn nguy: 121.5 MHz

b) ATC frequencies:

- Primary: 118.600 MHz
- Secondary: 118.725 MHz
- Emergency: 121.5 MHz

2.3 Sơ đồ khu vực – ICAO, sơ đồ độ cao tối thiểu giám sát không lưu – ICAO, sơ đồ phương thức tiếp cận bằng mắt – ICAO

a) Sơ đồ khu vực – ICAO

Chi tiết xem tại trang 4.

b) Sơ đồ độ cao tối thiểu giám sát không lưu – ICAO

Chi tiết xem tại trang 5.

c) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng mắt – ICAO

Chi tiết xem tại trang 6.

2.3 Area chart – ICAO, ATC Surveillance Minimum Altitude Chart – ICAO, Visual Approach Chart – ICAO

a) Area Chart – ICAO

See page 4 for details.

b) ATC Surveillance Minimum Altitude Chart – ICAO

See page 5 for details.

c) Visual Approach Chart – ICAO

See page 6 for details.

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này sẽ có hiệu lực từ 0000 ngày ngày 01/10/2026.

3 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective from 0000 on 1 OCT 2026.

4 HỦY BỎ

Tập bổ sung AIP này sẽ huỷ bỏ AIRAC AIP SUP 45/26.

Tập bổ sung AIP này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

4 CANCELLATION

This AIP Supplement shall supersede AIRAC AIP SUP 45/26.

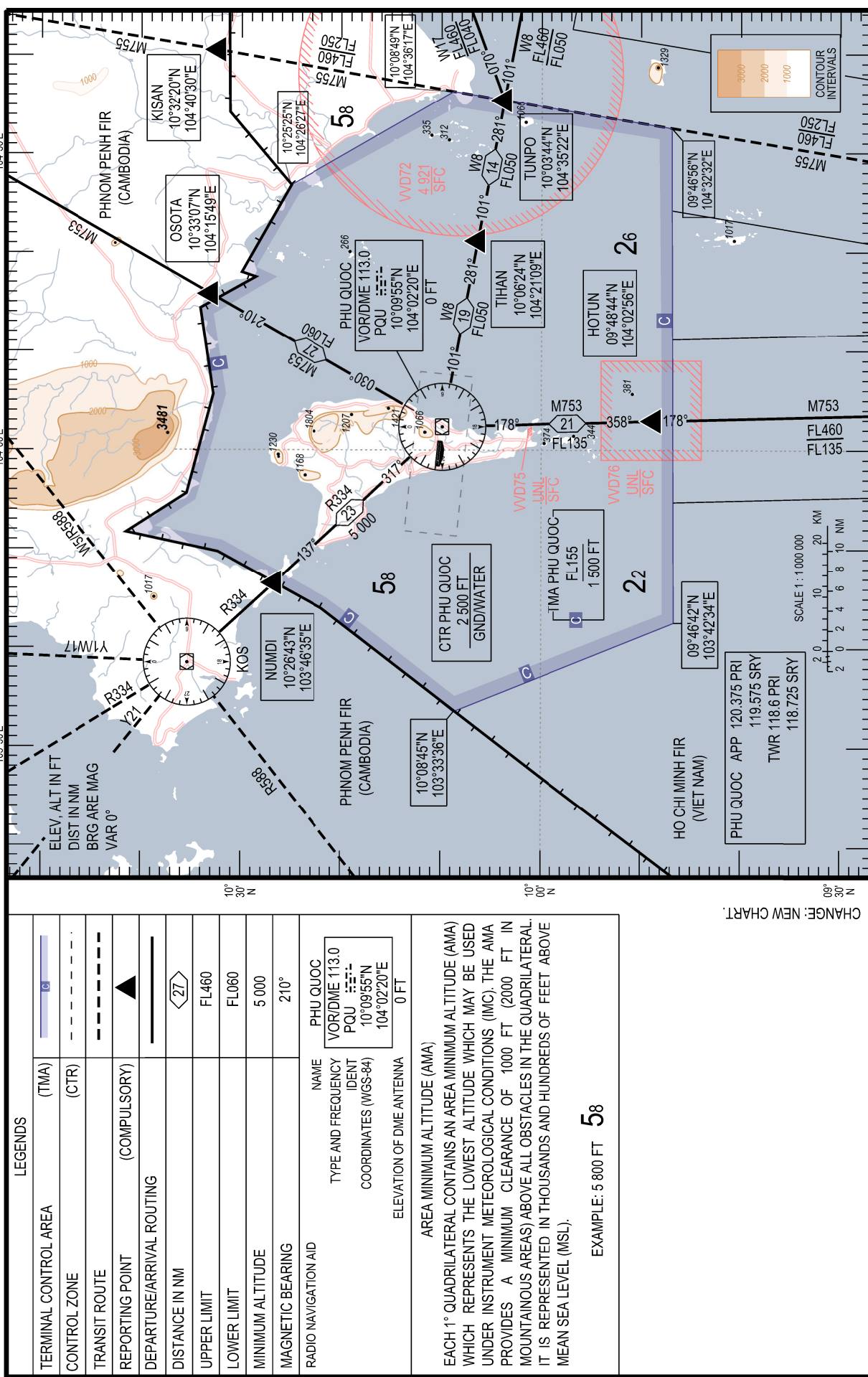
This AIP Supplement shall remain in force until its contents have been incorporated into the Viet Nam AIP.

- HẾT -

- END -

AREA CHART - ICAO

TMA PHU QUOC

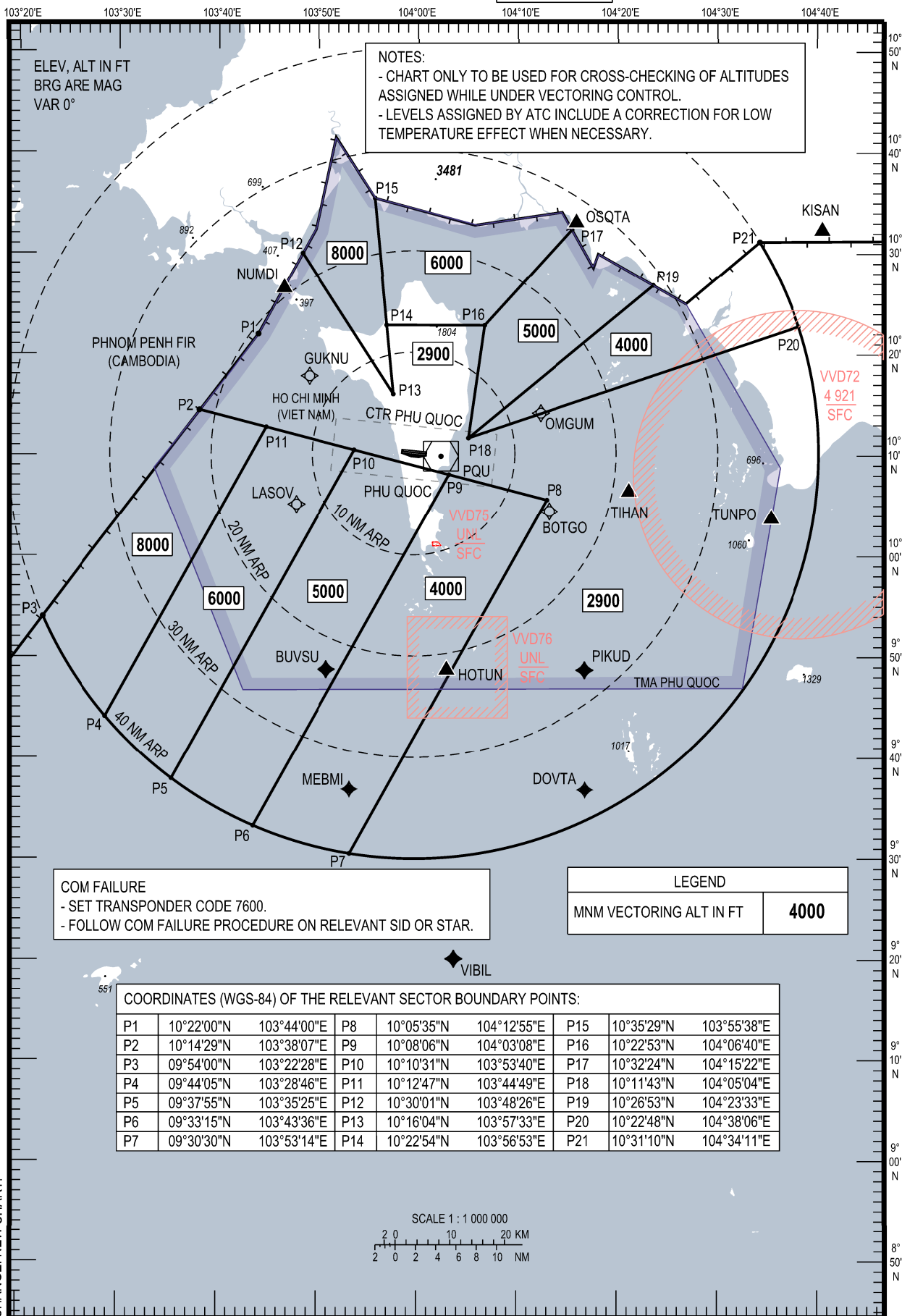


**ATC SURVEILLANCE MINIMUM
ALTITUDE CHART - ICAO**

AERODROME ELEV 27 FT
TRANSITION ALT 9000 FT

APP: 120.375 PRI
119.575 SRY
TWR: 118.6 PRI
118.725 SRY

AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)

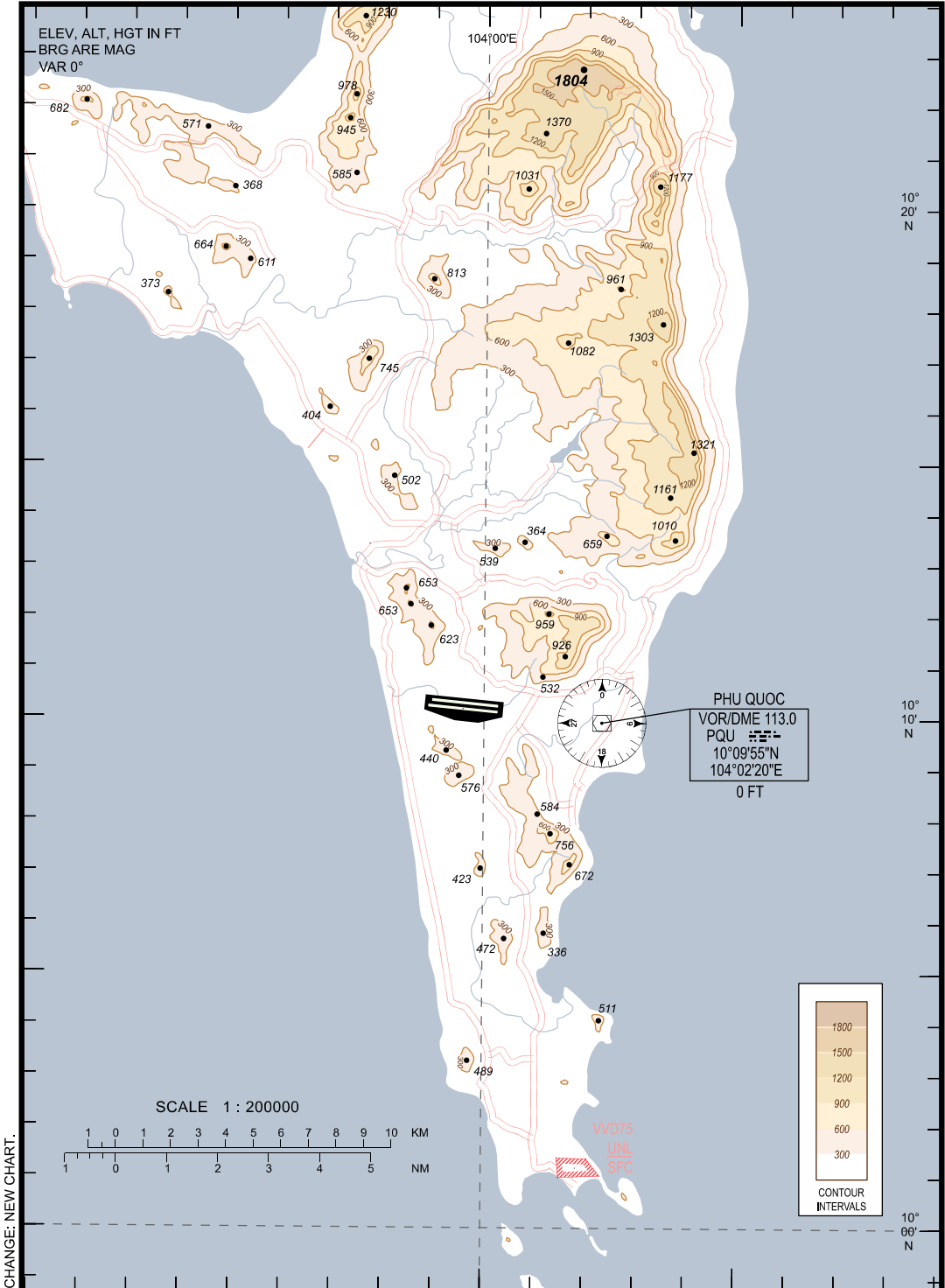


**VISUAL
APPROACH
CHART- ICAO**

AERODROME ELEV 23 FT
HEIGHTS RELATED
TO AD ELEV

APP: 120.375 PRI
119.575 SRY
TWR: 118.6 PRI
118.725 SRY

AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)



CHANGE: NEW CHART.